

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIRAC
AIP SUP
42/26
Có hiệu lực từ
Effective from
03 SEP 2026
Được xuất bản vào
Published on
06 AUG 2026

PHÂN ĐỊNH KHU VỰC ỨNG PHÓ KHÔNG LƯU TẠI
APP CÁT BI (ENR)

REORGANIZATION OF CONTINGENCY AREAS AT
CAT BI APP (ENR)

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này nhằm thông báo về việc phân định khu vực ứng phó không lưu tại APP Cát Bi (ENR).

Thời gian áp dụng: Từ 0000 ngày 03/9/2026.

2 CHI TIẾT

Khu vực ứng phó được phân chia thành 03 khu vực như sau:

1 INTRODUCTION

This AIRAC AIP Supplement issues notification of the reorganization of contingency areas at Cat Bi APP (ENR).

Applicable time: From 0000 on 03 SEP 2026.

2 DETAILS

Contingency areas are divided into three areas as follows:

Khu vực ứng phó Contingency areas	Mô tả Description	Đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ không lưu Unit responsible for providing ATS services	Vị trí ứng phó Contingency position	Thiết bị kỹ thuật ứng phó Contingency technical equipment		
				Tần số (VHF) Frequency (VHF)	Điện thoại Tel	AMHS
Khu vực ứng phó 1	Giới hạn ngang: Là đường tròn bán kính 30 KM, tâm là điểm quy chiếu sân bay và bao gồm giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau (trừ vùng trời khu vực sân bay Kiến An): - Điểm 4: 205508B 1062909Đ - Điểm 5: 203842B 1061343Đ - Điểm TABIN: 203103B 1061807Đ - Điểm BALAT: 201908B 1064300Đ - Điểm PONAM: 202143B 1065624Đ - Điểm KAHAI: 202816B 1071315Đ - Điểm LOCHA: 203924B 1065713Đ - Điểm TUCHA: 205508B 1065925Đ - Điểm 6: 205840B 1065713Đ - Điểm 7: 205843B 1065215Đ - Điểm 8: 204944B 1064138Đ Giới hạn cao: Từ mặt đất/mặt nước tới và bao gồm độ cao 2750 M/9000 FT (so với mực nước biển trung bình), trừ vùng trời khu vực sân bay Kiến An.	TWR Cát Bi Cat Bi TWR	TWR Cát Bi Cat Bi TWR	118.5 MHZ (TWR chính) 121.5 MHZ (Khẩn nguy- trường hợp có thể triển khai được). 118.5 MHZ (TWR Primary) 121.5 MHZ (EMERG- where available).	+84 225 8830606;	VVCIZTZX

Contingency area 1	Lateral limits: A circle, radius 30 KM centred at ARP and including the area bounded by the following coordinates (excluding the airspace of Kien An aerodrome): • Point 4: 205508N 1062909E • Point 5: 203842N 1061343E • Point TABIN: 203103N 1061807E • Point BALAT: 201908N 1064300E • Point PONAM: 202143N 1065624E • Point KAHAI: 202816N 1071315E • Point LOCHA: 203924N 1065713E • Point TUCHA: 205508N 1065925E • Point 6: 205840N 1065713E • Point 7: 205843N 1065215E • Point 8: 204944N 1064138E Vertical limits: From ground/water up to and 2750 M/ 9000 FT inclusive (AMSL), except for airspace of Kien An aerodrome.					
Khu vực ứng phó 2 Contingency area 2	Giới hạn ngang: Vùng trời khu vực sân bay được giới hạn bởi đường tròn bán kính 30 KM, tâm là đài DVOR/DME VDO tọa độ 210424B 1072324Đ Giới hạn cao: Từ mặt đất/nước đến và bao gồm độ cao 2750 M/9000 FT (so với mực nước biển trung bình). Lateral limits: The aerodrome airspace is bounded by a circle with radius 30 KM, centred at DVOR/DME VDO, with coordinates 210424N 1072324E Vertical limits: From ground/water up to and 2750 M/ 9000 FT inclusive (AMSL).	TWR Vân Đồn Van Don TWR	TWR Vân Đồn Van Don TWR	118.1 MHZ (chính) 118.85 (dự phòng) 121.5 MHZ (Khẩn nguy) 118.1 MHZ (Primary) 118.85 (Secondary) 121.5 MHZ (EMERG)	+84 203 3991868;	VVVDZTZX

Khu vực ứng phó 3 Contingency area 3	Giới hạn ngang: Là giới hạn các điểm có tọa độ như sau: • Điểm 1: 212741B 1070011Đ • Điểm 2: 211714B 1063315Đ • Điểm 3: 210913B 1063319Đ • Điểm 4: 205508B 1062909Đ • Điểm 5: 203842B 1061343Đ • Điểm TABIN: 203103B 1061807Đ • Điểm BALAT: 201908B 1064300Đ • Điểm PONAM: 202143B 1065624Đ • Điểm KAHAI: 202816B 1071315Đ Giới hạn cao: Từ mặt đất/mặt nước lên và bao gồm FL135, trừ phần trách nhiệm khu vực 1 và khu vực 2. Lateral limits: The area is bounded by the following coordinates: • Point 1: 212741N 1070011E • Point 2: 211714N 1063315E • Point 3: 210913N 1063319E • Point 4: 205508N 1062909E • Point 5: 203842N 1061343E • Point TABIN: 203103N 1061807E • Point BALAT: 201908N 1064300E • Point PONAM: 202143N 1065624E • Point KAHAI: 202816N 1071315E Vertical limits: From ground/water up to and FL 135 inclusive, except for responsibility area 1 and area 2.	ACC Hà Nội Ha Noi ACC	ACC Hà Nội Ha Noi ACC	Sector 1: 132.3 MHZ (chính) 128.15 MHZ (dự phòng) 121.5 MHZ (khẩn nguy). Sector 2: 133.65 MHZ (chính) 132.925 MHZ (dự phòng) 121.5 MHZ (khẩn nguy). Sector 1: 132.3 MHZ (Primary) 128.15 MHZ (Secondary) 121.5 MHZ (EMERG). Sector 2: 133.65 MHZ (Primary) 132.925 MHz (Secondary) 121.5 MHZ (EMERG).	+84 243 8729920 (sector 1) +84 243 8729923 (sector 2)	VVHNZQZX
---	--	------------------------------	------------------------------	--	--	----------

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày 03/09/2026.

4 HỦY BỎ

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này gồm 1 phụ đính như sau:

Sơ đồ khu vực ứng phó không lưu của APP Cát Bi

3 EFFECT

This AIRAC AIP Supplement shall become effective from 0000 on 03 SEP 2026.

4 CANCELLATION

This AIRAC AIP Supplement shall remain in force until its contents have been incorporated into AIP Viet Nam.

This AIRAC AIP Supplement consists of 1 attachment as follows:

Contingency Areas Chart of Cat Bi APP

CONTINGENCY AREAS CHART OF CAT BI APP

